

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11-8-2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thọ

2. Bà Lê Thị Phương Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, **Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2026**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh S, sinh năm 1989. Thường trú: Thôn R, xã N, tỉnh L (Trước đây là tổ 1, thôn M, xã N, tỉnh L); Nơi cư trú: Số 369 đường ĐT717, thôn Đ, xã Đ1, tỉnh L. (Trước đây là xóm 2, thôn Đ1 2, xã Đ1, tỉnh L).

- Bị đơn: Anh Võ Hoài Th, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số nhà 03 đường số 10, thôn R, xã N, tỉnh L. (Trước đây là tổ 1, thôn M, xã N, tỉnh L).

Chị S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Võ Hoài Th có tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh L (Trước đây là Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ4, tỉnh B). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại thôn R, xã N, tỉnh L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân được 4 năm. Nay, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hoài Th.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoài Th1, sinh ngày 13/07/2015. Hiện nay con đang sinh sống cùng anh Võ Hoài Th. Sau khi ly hôn, chị S đồng ý giao con chung cho anh Võ Hoài Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S và anh Th tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 23/6/2026, bị đơn anh Võ Hoài Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th và chị Trần Thị Minh S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh Th và chị S có với nhau 01 người con chung tên Võ Hoài Th1, sinh ngày 13/07/2015. Hiện tại cháu Thịnh đang được cha, mẹ của anh Th và anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thịnh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 28/7/2026 và ngày 11/8/2026 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát: Ngày 16/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Lâm Đồng có Công văn số 22/CV-VKS từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm với lý do vụ án không thuộc thẩm quyền tham gia xét xử của Viện kiểm sát theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh S và anh Võ Hoài Th tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh L (Trước đây là Ủy ban nhân dân xã Mê Pu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận) theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 145/2015 ngày 09/12/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị S và anh Th, thì vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị S trình bày từ năm 2022, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân được 4 năm. Cả hai đều không muốn hàn gắn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Việc anh Th và chị S không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân, cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị S và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trần Thị Minh S.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoài Th1, sinh ngày 13/7/2015. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Hiện nay, con chung đang do anh Th nuôi dưỡng. Chị S và anh Th đều thống nhất giao con chung cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 23/6/2026, cháu Võ Hoài Th1 mong muốn được sống cùng cha là anh Võ Hoài Th. Như vậy, yêu cầu của anh Th về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoài Th1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, chu cấp cho các con chưa thành niên là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là việc gắn kết trách nhiệm và nghĩa vụ của chị S đối với con, vì vậy, yêu cầu của anh Th về việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, bên cạnh đó phải phù hợp với mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Anh Th không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể mà yêu cầu mức cấp dưỡng phù hợp với quy định của pháp luật, chị S không đưa ra thu nhập hàng tháng của mình. Do đó, Tòa án sẽ quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Theo quy định tại Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thì địa bàn xã Đ1, tỉnh L nơi chị S đang cư trú thuộc vùng IV, có mức lương tối thiểu là 3.700.000 đồng/tháng. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 thì mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng

lượng tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc chị S cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Hoài Th1 số tiền 1.850.000 đồng/tháng. Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2026. Thời hạn của nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Trần Thị Minh S đối với anh Võ Hoài Th.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh S phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024;

Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh S đối với anh Võ Hoài Th về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh S được ly hôn với anh Võ Hoài Th.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Võ Hoài Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hoài Th1, sinh ngày 13/7/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Minh S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho anh Võ Hoài Th với số tiền là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2026. Thời hạn của nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày anh Võ Hoài Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Minh S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì chị Trần Thị Minh S còn phải thanh toán cho anh Võ Hoài Th tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị Trần Thị Minh S và anh Võ Hoài Th đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc anh Th nuôi con thì anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Minh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008307 ngày 08/5/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh L. Chị Trần Thị Minh S còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND KV 17 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 17 – Lâm Đồng;
- UBND xã Nam Thành, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mỹ Dung